



CHƯƠNG 3



SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG

3.1.

LÍ LUẬN CỦA C. MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẠNG DƯ

3.2.

TÍCH LŨY TƯ BẢN

3.3.

**CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẠNG DƯ TRONG
NỀN KTĐT**

3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản

3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng tích lũy

3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản

3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản

Các hình thức của tái sản xuất

Toàn bộ GTTD đều
tiêu dùng hết cho cá nhân nhà tư bản

- 1 phần GTTD dùng cho nhu cầu cá nhân nhà TB
- 1 phần GTTD được tích lũy thành tư bản

Quá trình SX được lặp lại với
quy mô không đổi

Quá trình SX được lặp lại
với quy mô mở rộng hơn

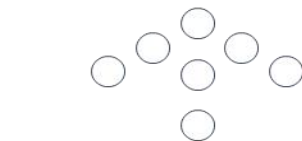
TÁI SẢN XUẤT GIẢN ĐƠN

TÁI SẢN XUẤT MỞ RỘNG

Nhà TB biến một bộ phận GTTD
thành TB phụ thêm => tích lũy TB là
TB hóa GTTD.

3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản

- *Bản chất của tích lũy TB*: là quá trình tái sản xuất mở rộng TBCN, thông qua việc biến giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm để tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh.



NĂM 2: Quy mô SX 110: $88c + 22v + 22m$ (11 TD và 11m vào tái sản xuất)



NĂM 1: Quy mô SX 100: $80c + 20v + 20m$ (10 TD và 10m vào tái sản xuất)

=> Thực chất của tích lũy TB: Chuyển hóa một phần GTTD thành TB
→ Quá trình tư bản hóa GTTD

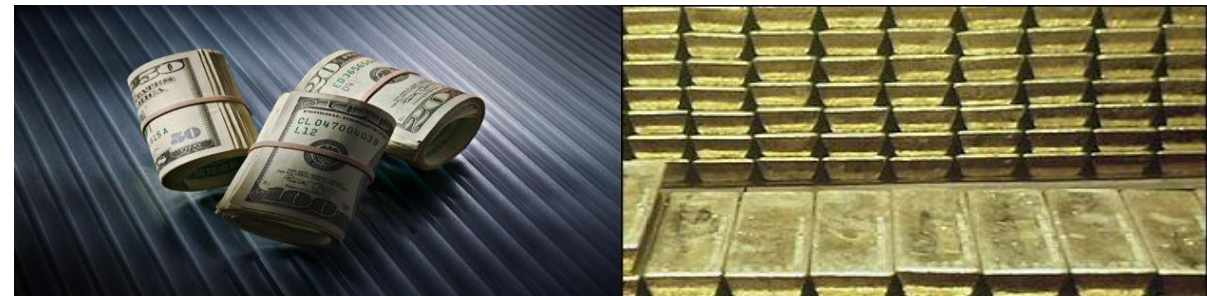
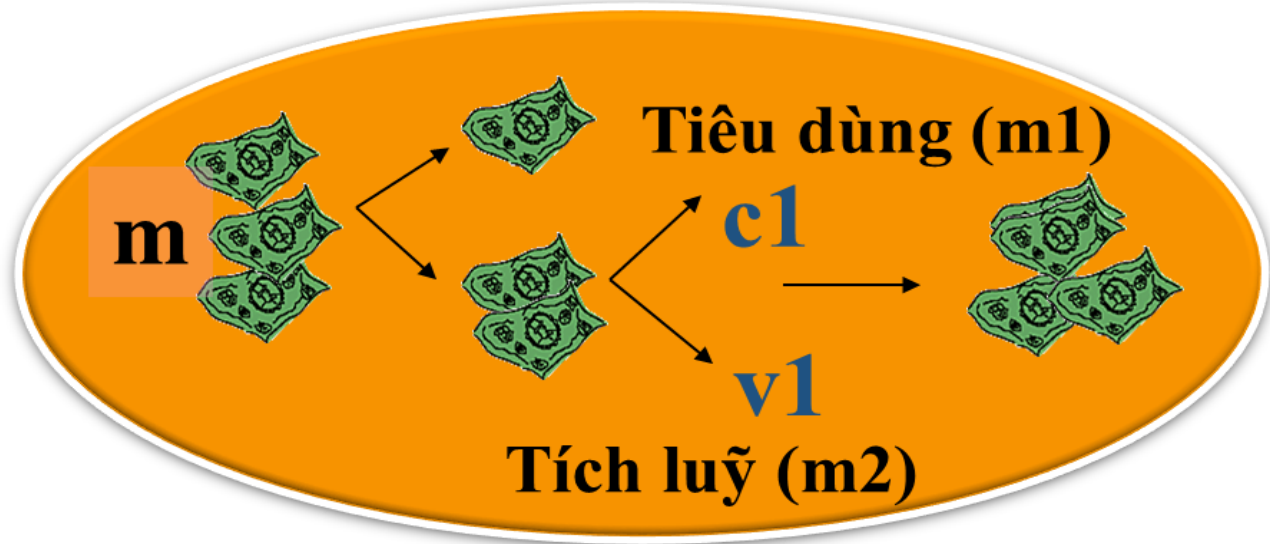
3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản

*“Sử dụng giá trị thặng dư thành tư bản, hay **chuyển hóa giá trị thặng dư thành tư bản**, thì gọi là tích lũy tư bản”*

C.Mác (Tư bản, quyển 1, tập 3, tr 32)

Nguồn gốc của tích lũy TB: m

Động cơ của tích lũy:
Thu nhiều giá trị thặng dư, đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh



3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy

Quy mô của tích lũy phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia giữa quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng của nhà TB

Nếu M không đổi

Nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư => tăng quy mô giá trị thặng dư => tăng quy mô tích lũy.

Thứ nhất

Nâng cao NSLĐ => giá trị TLSH giảm => giảm giá trị SLD => thu được nhiều giá trị thặng dư.

Thứ hai

Sử dụng hiệu quả máy móc vì tốc độ khấu hao máy móc càng nhanh thì quy mô tích lũy càng tăng

Thứ ba

Đại lượng tư bản ứng trước càng lớn thì quy mô tích lũy càng tăng.

Thứ tư

Nếu tỷ lệ phân chia giữa quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng là cố định

3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản



MỘT SỐ QL CỦA TÍCH LŨY TB

Tích lũy tư bản làm tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản

Tích lũy tư bản làm tăng tích tụ và tập trung tư bản

Tích lũy tư bản không ngừng làm tăng chênh lệch giữa thu nhập của nhà TB với thu nhập của người lao động cả tuyệt đối lẫn tương đối

* Tích lũy tư bản làm tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản

Cấu tạo của TB thể hiện ở hai mặt:

- + Cấu tạo kỹ thuật của tư bản TLSX/ SLĐ
- + Cấu tạo giá trị của tư bản C/V



Cấu tạo hữu cơ của tư bản (C/V):

Là cấu tạo giá trị của TB, do cấu tạo kỹ thuật quyết định và phản ánh sự thay đổi của cấu tạo kỹ thuật.

Vì vậy: quá trình tích lũy TB không ngừng làm tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản.

Tích lũy tư bản làm tăng tích tụ và tập trung tư bản

**Tích tụ
TB**



**Tập trung
TB**

❖ Tích tụ tư bản là việc tăng quy mô tư bản cá biệt bằng tích lũy của từng nhà tư bản riêng rẽ

❖ Tập trung tư bản là sự hợp nhất một số tư bản nhỏ thành một tư bản cá biệt lớn.

Giống nhau: đều làm tăng quy mô của TB cá biệt.

Tích tụ TB

Tập trung TB

Giống nhau

Đều làm tăng quy mô tư bản cá biệt

Khác nhau

Làm cho TB cá biệt tăng, đồng thời TB xã hội cũng tăng.

Phản ánh mối quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp tư bản.

Được diễn ra liên tục.

Làm cho TB cá biệt tăng, còn TB xã hội không đổi.

Phản ánh mối quan hệ giữa các nhà tư bản.

Diễn ra trong một thời điểm nhất định.

3.3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KTĐT

3.1.1. Lợi nhuận

- Chi phí sản xuất
- Lợi nhuận
- Tỷ suất lợi nhuận
- Lợi nhuận bình quân
- Lợi nhuận thương nghiệp

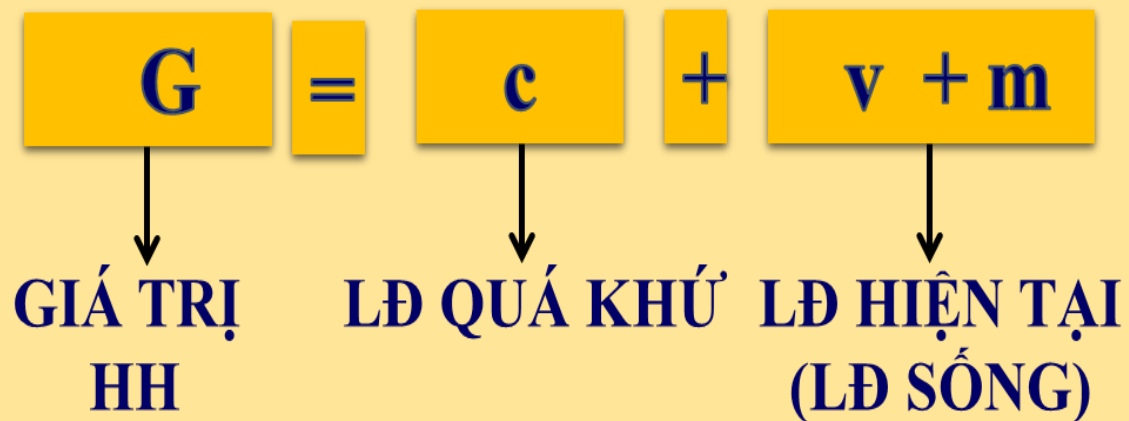
3.2.2. Lợi tức

3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Lợi nhuận

*Chi phí sản xuất TBCN

- Đối với XH: để tiến hành SX HH, XH cần chi phí một **lượng hao phí LĐ** nhất định bao gồm:



Đối với nhà tư bản: để tiến hành SX HH họ chỉ cần ứng một lượng tư bản (c + v)

k gọi là chi phí SX TBCN



$$k = c + v$$

Chi phí SX TBCN “là phần giá trị của hàng hóa, bù lại giá cả những tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và giá cả sức lao động đã được sử dụng, - chỉ bù lại số chi phí mà bản thân nhà tư bản đã bỏ ra để sản xuất hàng hóa” **C.Mác**

=> Khi xuất hiện chi phí SX TBCN thì công thức giá trị hàng hoá chuyển thành:

$$G = c + v + m$$



$$G = k + m$$

- Phản ánh lao động XH hình thành nên giá trị HH
- Lao động là thực thể, là nguồn gốc của giá trị và giá trị thặng dư

- Phản ánh hao phí tư bản của nhà tư bản, nó *không tạo ra giá trị HH*

- Gây lầm tưởng k sinh ra m, che đậy thực chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản

❖ Nhà TB quan tâm đến K, tiết kiệm chi phí này bằng mọi giá vì K là *giới hạn thực sự của lỗ lãi kinh doanh của nhà TB.*



Bản chất của lợi nhuận

Giữa giá trị HH và chi phí SX TBCN luôn chênh lệch, nên khi bán HH đúng giá trị, (sau khi trừ đi chi phí SX TBCN,) **nhà tư bản còn thu về tiền lãi** (ngang bằng với m).

C.Mác gọi là ***lợi nhuận***.

Ký hiệu: p



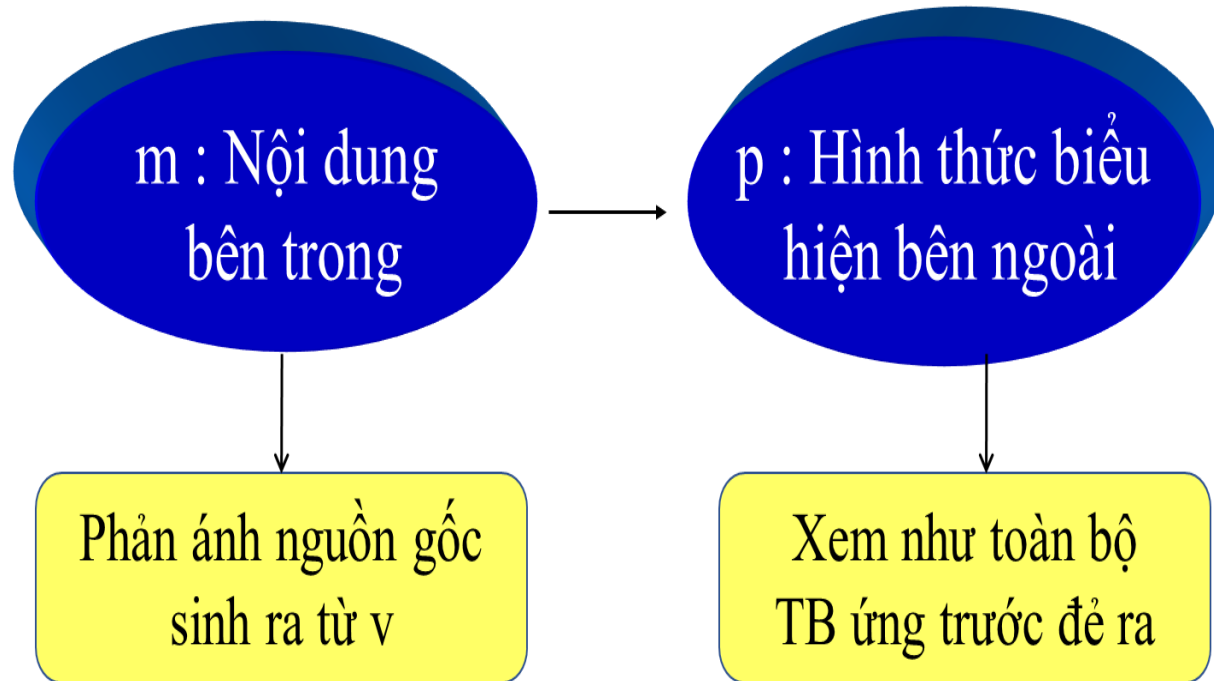
$$G = k + m$$

$$G = k + p$$

C.Mác: GTTD, được quan niệm như con đẻ của toàn bộ TB ứng trước, mang hình thái chuyển hóa là **Lợi nhuận**

So sánh p và m

* Khác nhau về chất



=> **P** che dấu quan hệ bóc lột TBCN, che dấu nguồn gốc thực sự của nó.

* Về lượng: giữa p và m thường không bằng nhau điều này phụ thuộc vào quan hệ cung- cầu.

	Tư bản cá biệt	Tư bản xã hội
Khi cung = cầu	Giá cả = Giá trị $\rightarrow p = m$	$\sum p = \sum m$
Khi cung < cầu	Giá cả > Giá trị $\rightarrow p > m$	
Khi cung > cầu	Giá cả < giá trị $\rightarrow p < m$	

KẾT LUẬN



- ✓ Lợi nhuận chẳng qua chỉ là hình thái biểu hiện của GTTD trên bề mặt nền KTTT



- ✓ Lợi nhuận phản ánh quy mô và hiệu quả kinh doanh, che đậy bản chất bóc lột của CNTB



- ✓ Nhà TB chỉ cần bán HH cao hơn chi phí sản xuất là có p



- ✓ Lợi nhuận là mục tiêu, động cơ động lực của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế thị trường

❖ **Tỷ suất lợi nhuận:**

Tỷ suất lợi nhuận là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị m và toàn bộ TB ứng trước (ký hiệu: p')

- **Công thức:**

$$p' = \frac{m}{c + v} \times 100\% = \frac{p}{k} \times 100\%$$

- **So sánh m' và P':**

Khác về lượng	Khác nhau về chất	
	m'	P'
P' < m'	Phản ánh trình độ bóc lột của TB đối với LĐ làm thuê	Phản ánh mức độ sinh lợi của việc đầu tư TB, <u>phản ánh hiệu quả đầu tư TB</u>

Những nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận

Tỷ suất GTTD

Tỷ suất GTTD càng cao thì tỷ suất lợi nhuận càng lớn

Cấu tạo hữu cơ của TB

Nếu m' không đổi, **Cấu tạo hữu cơ của TB càng cao thì tỷ suất lợi nhuận càng giảm**

Tốc độ chu Chuyển TB

Nếu tốc độ chu chuyển TB càng lớn thì tần suất sản sinh m trong năm càng tăng tỷ suất lợi nhuận càng tăng

Tiết kiệm TBBB

TBBB càng nhỏ tỷ suất lợi nhuận càng lớn

❖ **Lợi nhuận bình quân:**

- Cạnh tranh giữa các ngành hình thành lợi nhuận bình quân.
- Khi tỷ suất lợi nhuận ở các ngành xấp xỉ bằng nhau, tức là hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân (ký hiệu: \bar{P})

- **Công thức:**

$$\bar{P}' = \frac{\sum p}{\sum (c + v)} \times 100\%$$

- Lợi nhuận bình quân thu là lợi nhuận thu được theo **tỷ suất lợi nhuận bình quân** (ký hiệu: \bar{P})

- **Nếu giá trị TB ứng trước là K**

$$\bar{p} = \bar{p}'_x K \quad \longrightarrow \quad \text{GCSX} = k + \bar{P}$$

- **Ý nghĩa:**

- Trong nền KTTT TBCN: lợi nhuận bình quân trở thành căn cứ cho các doanh nghiệp lựa chọn ngành nghề, phương án kinh doanh cho có hiệu quả nhất.

❖ **Lợi nhuận thương nghiệp:**

- Do sự phân công lao động xã hội, xuất hiện bộ phận chuyên môn hóa việc kinh doanh hàng hóa – bộ phận này gọi là TB thương nghiệp.

- Lợi nhuận thương nghiệp phản ánh ở giá bán và giá mua HH

- **Nguồn gốc:**

- Là một phần của giá trị thặng dư mà nhà TBSX trả cho nhà TB thương nghiệp giúp cho việc tiêu thụ hàng hóa.

- **Cách thực hiện:**

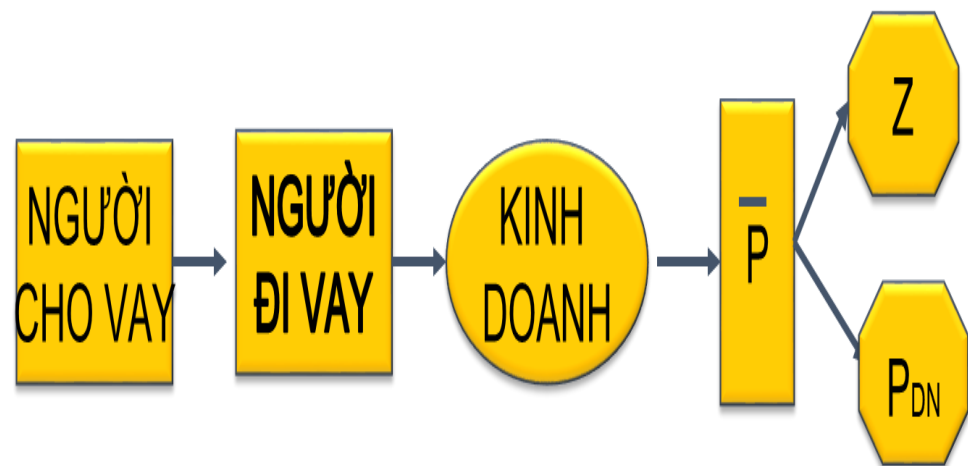
- TBSX bán HH cho TBTN với giá cả cao hơn chi phí SX. Sau đó TBTN bán HH cao hoặc bằng giá trị HH

- **Bản chất:**

- Lợi nhuận thương nghiệp thực chất là một phần của giá trị thặng dư.

3.3.2 Lợi tức:

Lợi tức là một phần của lợi nhuận bình quân mà người đi vay phải trả cho người cho vay vì đã sử dụng lượng tiền nhàn rỗi của người cho vay.



Đặc điểm của tư bản cho vay trong CNTB

Thứ nhất

Quyền sử dụng tách rời quyền sở hữu

Thứ hai

Là hàng hóa đặc biệt

Thứ ba

Là hình thái tư bản phiên diện nhất song được dùng bán nhất

3.3.3. Địa tô TBCN



SV TỰ NGHIÊN CỨU TRẢ LỜI CÂU HỎI:

- *Địa tô TBCN là gì? Nguồn gốc của địa tô TBCN?*
- *Phân biệt địa tô tuyệt đối, địa tô chênh lệch I và địa tô chênh lệch II?*

KẾT THÚC CHƯƠNG 3 PHẦN 3

